

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(không bao gồm số liệu Công ty Cầu 7 Thăng Long và

Công ty Xây dựng số 8 Thăng Long)

*cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010
đã được kiểm toán*



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kiểm toán	5 - 6
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	7 - 33
Bảng cân đối kế toán	7 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 33
Phụ lục 01	34 - 37
Phụ lục 02	38

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất (không bao gồm số liệu Công ty Cầu 7 Thăng Long và Công ty Xây dựng số 8 Thăng Long) của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long, trước đây là Tổng Công ty Xây dựng Cầu Thăng Long, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 4978/QĐ-TCCB-TĐ ngày 02 tháng 12 năm 1995 và Quyết định số 934/1998/QĐ-TCCB ngày 22 tháng 4 năm 1998 của Bộ Giao thông Vận tải, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 110743 ngày 26 tháng 6 năm 1996 do Ủy ban Kế hoạch cấp, các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106000765 thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 09 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Hiện nay, Tổng Công ty đã chuyển đổi sang hình thức Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 1762/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Bộ giao thông vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105020 ngày 10 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 158.706.621.309 đồng.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Thi công xây dựng các phần nền móng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; Gia công cấu kiện thép phục vụ trực tiếp cho sản xuất, thi công; Vận chuyển vật tư thiết bị, cấu kiện phục vụ thi công;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, bến cảng), công trình dân dụng, công nghiệp và thủy lợi; Sản xuất cấu kết thép, cấu kiện bê tông;
- Sản xuất, kinh doanh bê tông trộn sẵn;
- Gia công cơ khí;
- Sửa chữa các loại thiết bị thi công công trình;
- Khảo sát thiết kế và thiết kế các công trình giao thông đường bộ, công trình xây dựng cầu;
- Thẩm định thiết kế kỹ thuật thi công và thẩm định tổng dự toán công trình xây dựng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình giao thông; thẩm định dự án đầu tư các công trình xây dựng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng; kiểm định chất lượng công trình;
- Tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông.

Ngoài ra, Tổng Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất (không bao gồm số liệu Công ty Cầu 7 Thăng Long và Công ty Xây dựng số 8 Thăng Long) đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 33).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên của Hội đồng thành viên trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Công Tài	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Tuýnh	Ủy viên
Ông Phan Quốc Hiếu	Ủy viên
Ông Lê Ngọc Ban	Ủy viên
Bà Trương Thị Minh Lan	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phan Quốc Hiếu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Tuýnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Ngọc Ban	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Rạng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn An	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất (không bao gồm số liệu Công ty Cầu 7 Thăng Long và Công ty Xây dựng số 8 Thăng Long) cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất (không bao gồm số liệu Công ty Cầu 7 Thăng Long và Công ty Xây dựng số 8 Thăng Long) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2011

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Phan Quốc Hiếu



Số: 123./2011/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính hợp nhất

(không bao gồm số liệu Công ty Cầu 7 Thăng Long và Công ty Xây dựng số 8 Thăng Long)
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất không bao gồm số liệu Công ty Cầu 7 Thăng Long và Công ty Xây dựng số 8 Thăng Long của Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long được lập ngày 20 tháng 5 năm 2011 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 07 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của kiểm toán viên

- Báo cáo tài chính hợp nhất được Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long lập trên cơ sở báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi chúng tôi, báo cáo tài chính của các Công ty con được kiểm toán bởi các tổ chức kiểm toán độc lập khác và các thông tin, số liệu tài chính được cung cấp bởi các Công ty con. Phạm vi kiểm toán của chúng tôi chỉ giới hạn trong việc kiểm tra việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty căn cứ trên báo cáo tài chính và các thông tin, số liệu tài chính của Tổng Công ty và của các Công ty con. Do vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính đúng đắn của các thông tin và số liệu tài chính do các Công ty con cung cấp, cũng như ảnh hưởng của chúng đến báo cáo tài chính hợp nhất.
- Số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất không bao gồm số liệu của các Công ty Cầu 7 Thăng Long và Công ty Xây dựng số 8 Thăng Long là hai đơn vị thành viên của Tổng Công ty đang trong quá trình chuyển đổi, chưa bàn giao vốn về Tổng Công ty.
- Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các Công ty con được sử dụng để hợp nhất đã được kiểm toán với ý kiến chấp nhận từng phần. Các ý kiến kiểm toán này ảnh hưởng đến số liệu trên báo cáo tài chính của từng đơn vị, do vậy, cũng ảnh hưởng đến số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất. Mức độ ảnh hưởng của các ý kiến kiểm toán này có thể đánh giá thông qua Phụ lục 01 về ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty mẹ và các Công ty con từ trang 35 đến trang 37 và Phụ lục 02 về số liệu tài chính tóm tắt của các Công ty con trang 38 kèm theo.

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 * Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohem@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

5

Branch in Hanoi

706 A5 Building, Thanglong Int. Village, Cau Giay Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 * Fax: (84-04) 3793 1429

Báo cáo kiểm toán (tiếp theo)

- Báo cáo tài chính của các Công ty liên kết và các Công ty liên doanh được sử dụng để hợp nhất đã được kiểm toán bởi các tổ chức kiểm toán độc lập khác với ý kiến chấp nhận từng phần. Các ý kiến kiểm toán này ảnh hưởng đến số liệu tài chính của từng đơn vị, do vậy, cũng ảnh hưởng đến số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất.
- Trong quá trình hoạt động kinh doanh từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, giữa Tổng Công ty với các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau phát sinh nhiều nghiệp vụ kinh tế liên quan và ảnh hưởng đến nhau, đặc biệt là việc các Công ty con có hoạt động thầu phụ xây dựng cho các công trình Tổng Công ty thực hiện và các Công ty con là nhà thầu phụ xây dựng của nhau. Tuy nhiên, toàn bộ doanh thu, giá vốn nội bộ và lãi lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh của các nghiệp vụ kinh tế giữa Tổng Công ty với các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau chưa được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Với các tài liệu hiện có chúng tôi cũng không thể ước tính được ảnh hưởng về số liệu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.
- Trong quá trình hoạt động kinh doanh từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, giữa Tổng Công ty với các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau phát sinh rất nhiều luồng tiền nội bộ. Tuy nhiên, toàn bộ luồng tiền nội bộ giữa Tổng Công ty với các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau chưa được loại trừ trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm 2010. Với các tài liệu hiện có chúng tôi cũng không thể ước tính được ảnh hưởng về số liệu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.
- Toàn bộ công nợ nội bộ giữa Tổng Công ty với các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau chưa được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.
- Tổng Công ty thực hiện thanh lý công ty con là Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long và khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long đang được trình bày trên chỉ tiêu "Đầu tư dài hạn khác". Theo đó, Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long là công ty con của Tổng Công ty cho đến thời điểm ngày 22 tháng 12 năm 2010. Tuy nhiên, trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 không hợp nhất kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 22 tháng 12 năm 2010.
- Khoản đầu tư vào Công ty TNHH BOT Yên Lệnh với số tiền là 23.623.000.000 đồng, quyền kiểm soát là 49,41% đang được trình bày trên chỉ tiêu "Đầu tư dài hạn khác" theo nguyên tắc giá gốc thay vì trình bày trên chỉ tiêu "Đầu tư vào công ty liên kết" và hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

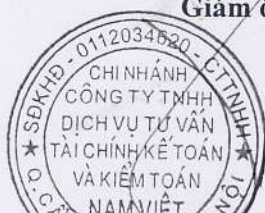
Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính hợp nhất (không bao gồm số liệu Công ty Cầu 7 Thăng Long và Công ty Xây dựng số 8 Thăng Long) đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2011

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc



Bùi Ngọc Vương

Chứng chỉ KTV số: 0941/KTV

Kiểm toán viên

Bùi Thị Ngọc Lân

Chứng chỉ KTV số: 0300/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.588.233.606.818	1.644.998.831.212
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		69.350.808.265	76.063.983.378
1.	Tiền	111	V.01	51.850.808.265	76.063.983.378
2.	Các khoản tương đương tiền	112		17.500.000.000	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	2.418.000.000
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	2.418.000.000
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.028.003.777.694	914.839.662.209
1.	Phải thu khách hàng	131		316.873.044.356	342.369.343.540
2.	Trả trước cho người bán	132		108.747.956.217	79.702.041.317
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		561.071.740.258	388.229.407.574
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	41.371.737.965	104.538.869.778
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(60.701.102)	-
IV.	Hàng tồn kho	140		413.427.079.976	578.715.967.280
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	413.427.079.976	578.715.967.280
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		77.451.940.883	72.961.218.345
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		25.220.100.525	22.286.749.087
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.245.076.268	24.283.517.060
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	1.964.724.227	962.405.040
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158		29.022.039.863	25.428.547.158

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		241.973.392.171	254.290.925.905
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		25.639.128.763	26.244.015.385
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	25.639.128.763	26.244.015.385
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		93.007.280.681	103.844.453.695
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	59.810.121.587	72.772.034.033
	- Nguyên giá	222		373.256.130.875	418.593.050.375
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(313.446.009.288)	(345.821.016.342)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	12.744.185.290	12.923.087.422
	- Nguyên giá	228		14.913.362.962	14.913.362.962
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.169.177.672)	(1.990.275.540)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	20.452.973.804	18.149.332.240
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	112.141.421.865	99.750.027.664
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		79.227.387.580	73.650.436.492
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		32.914.034.285	26.099.591.172
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		11.185.560.862	24.452.429.161
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	11.185.560.862	24.452.429.161
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI.	Lợi thế thương mại			-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.830.206.998.989	1.899.289.757.117

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.646.153.561.868	1.725.720.321.724
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.559.996.921.199	1.628.347.607.356
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	201.841.434.694	308.847.146.067
2.	Phải trả người bán	312		158.167.483.600	139.804.534.579
3.	Người mua trả tiền trước	313		749.382.864.537	659.538.622.798
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	52.099.407.070	61.544.284.734
5.	Phải trả người lao động	315		27.327.535.925	31.423.619.327
6.	Chi phí phải trả	316	V.14	16.539.832.246	30.616.968.390
7.	Phải trả nội bộ	317		274.423.213.447	222.879.723.501
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	75.634.798.021	170.280.307.043
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.580.351.659	3.412.400.917
II.	Nợ dài hạn	330		86.156.640.669	97.372.714.368
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		13.794.851.718	14.704.529.990
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		6.608.772.000	5.579.487.000
3.	Phải trả dài hạn khác	333		166.453.500	2.089.264.654
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.16	64.097.640.608	73.534.969.550
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.488.922.843	1.464.463.174
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		172.549.155.001	158.827.079.121
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.17	172.415.307.859	158.706.621.309
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		148.813.519.634	134.198.507.728
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		324.672.155	412.381.204
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	4.335.141.856
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1.113.750.171	736.958.109
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		2.974.074.262	5.797.352.095
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		1.961.677.008	2.883.357.078
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.471.451.426	1.471.451.426
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.756.163.203	8.871.471.813
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		133.847.142	120.457.812
2.	Nguồn kinh phí	420		133.847.142	120.457.812
C.	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.18	11.504.282.120	14.742.356.272
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.830.206.998.989	1.899.289.757.117

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	125.058.608,00
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	94.368.447,00
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại			
	- USD		6.669,89	6.071,40
	- JPY		38.807.589,10	117.981.106,00
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hưng



Lê Văn An




Phan Quốc Hiếu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ 01 tháng 01 năm 2010 đến 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 Đến 31/12/2010	Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.311.800.504.410	1.297.486.310.716
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	2.805.065.939	1.185.946.727
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	1.308.995.438.471	1.296.300.363.989
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	1.244.834.362.687	1.232.503.984.236
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64.161.075.784	63.796.379.753
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	36.956.076.937	15.389.499.021
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	21.389.371.226	30.616.253.173
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.274.304.111	29.800.471.392
8.	Chi phí bán hàng	24		-	293.429.218
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		72.839.066.986	58.035.785.845
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.888.714.509	(9.759.589.462)
11.	Thu nhập khác	31		18.010.246.837	36.610.897.185
12.	Chi phí khác	32		10.064.918.344	19.734.757.431
13.	Lợi nhuận khác	40		7.945.328.493	16.876.139.754
14.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	50		4.154.490.352	6.496.986.414
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.988.533.354	13.613.536.706
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	1.954.730.199	1.502.508.092
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		17.033.803.155	12.111.028.614
18.1.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	31		1.115.747.951	1.318.489.141
18.2.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	32		15.918.055.204	10.792.539.473

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hưng



Lê Văn An




Phan Quốc Hiếu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ 01 tháng 01 năm 2010 đến 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010	Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.322.508.022.724	1.324.932.151.276
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.145.713.403.423)	(1.166.675.111.973)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(79.058.197.920)	(89.603.579.132)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(24.208.908.395)	(23.905.669.147)
5.	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.480.252.438)	(382.748.076)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		72.572.756.339	127.107.252.547
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(57.836.588.309)	(171.964.778.602)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		86.783.428.578	(492.483.107)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.640.521.557)	(24.108.827.606)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		188.588.689	8.277.561.694
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(29.808.000.000)	(45.288.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		32.285.346.789	41.793.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.808.240.000)	(1.076.119.020)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		763.900.000	1.180.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.914.106.132	5.658.365.620
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		895.180.053	(13.564.019.312)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	1.411.819.020
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		126.850.859.084	175.454.066.162
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(203.153.812.887)	(268.753.962.534)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(19.113.887.952)	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(600.618.000)	(1.188.273.752)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(96.017.459.755)	(93.076.351.104)

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010	Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(8.338.851.124)	(107.132.853.523)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		76.063.983.378	183.196.836.901
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.625.676.011	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		69.350.808.265	76.063.983.378

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hưng



Lê Văn An



Phan Quốc Hiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ 01 tháng 01 năm 2010 đến 31 tháng 12 năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty TNHH một thành viên.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Thi công xây dựng các phần nền móng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; Gia công cấu kiện thép phục vụ trực tiếp cho sản xuất, thi công; Vận chuyển vật tư thiết bị, cấu kiện phục vụ thi công;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, bến cảng), công trình dân dụng, công nghiệp và thủy lợi; Sản xuất cấu kết thép, cấu kiện bê tông;
- Sản xuất, kinh doanh bê tông trộn sẵn;
- Gia công cơ khí;
- Sửa chữa các loại thiết bị thi công công trình;
- Khảo sát thiết kế và thiết kế các công trình giao thông đường bộ, công trình xây dựng cầu;
- Thẩm định thiết kế kỹ thuật thi công và thẩm định tổng dự toán công trình xây dựng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình giao thông; thẩm định dự án đầu tư các công trình xây dựng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng; kiểm định chất lượng công trình;
- Tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông.

04. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Từ ngày 04 tháng 7 năm 2010, Công ty Cầu 1 Thăng Long chuyển đổi mô hình hoạt động từ đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty sang hình thức Công ty TNHH một thành viên, 100% vốn đầu tư của Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

05. Thông tin về Công ty con*Thông tin về Công ty con được hợp nhất*

STT	Tên và địa chỉ Công ty con	Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (VND)	Tỷ lệ góp vốn thực tế và quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2010			
			Giá trị vốn của Công ty con (VND)	Giá trị vốn của Tổng Công ty tại Công ty con (VND)	Tỷ lệ vốn góp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
1	Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long Số 89, ngõ 1141, đường Giải Phóng, Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	20.121.630.295	17.778.494.936	17.778.494.936	100	100
2	Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long Thông Cổ Điện, xã Hải Bối, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.	8.519.000.000	8.519.000.000	4.356.000.000	51,13	51,13
3	Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long Đường Phạm Văn Đồng, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	8.138.240.000	8.138.240.000	5.556.240.000	68,27	68,27
4	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long Đường Phạm Văn Đồng, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	5.544.524.900	5.544.524.900	2.827.724.900	51,00	51,00

Thông tin về Công ty con bị loại trong quá trình hợp nhất

Tên Công ty con	Địa chỉ	Lý do bị loại khỏi quá trình hợp nhất
Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	Số 309 Nguyễn Văn Cừ, phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội	Đã thanh lý

Thông tin về Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty

Tên Công ty con	Ghi chú
Công ty Cầu 7 Thăng Long Số 29 Phạm Văn Đồng, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	Đang trong quá trình chuyển đổi, chưa bàn giao vốn về Tổng Công ty
Công ty Xây dựng số 8 Thăng Long Tân Xuân – Xuân Đình - Từ Liêm – Hà Nội	Đang trong quá trình chuyển đổi, chưa bàn giao vốn về Tổng Công ty

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

06. Thông tin về các Công ty liên kết, liên doanh*Công ty liên kết, liên doanh hợp nhất theo phương pháp vốn chủ*

STT	Tên và địa chỉ Công ty liên kết, liên doanh	Vốn góp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (VND)	Tỷ lệ góp vốn thực tế và quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2010			
			Giá trị vốn của Công ty liên kết, liên doanh (VND)	Vốn của Tổng Công ty tại Công ty liên kết, liên doanh (VND)	Tỷ lệ vốn góp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
1	<i>Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long</i> Đường Phạm Văn Đồng, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, Hà Nội	5.100.000.000	3.275.585.000	1.071.000.000	32,70	32,70
2	<i>Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long</i> Đường Phạm Văn Đồng, thôn Tân Xuân, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	6.810.400.000	6.807.300.000	2.629.500.000	38,63	38,63
3	<i>Công ty Cổ phần Xây dựng số 6 Thăng Long</i> Xã Hải Bối, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	10.200.000.000	10.200.000.000	3.672.000.000	36,00	36,00
4	<i>Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long</i> Đường Phạm Văn Đồng, thôn Tân Xuân, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	11.075.000.000	11.075.100.000	4.036.410.000	36,45	36,45
5	<i>Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long</i> Số 49 Lãng Yên, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	4.033.000.000	4.033.000.000	1.976.000.000	49,00	49,00
6	<i>Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long</i> Đường Nam Thăng Long, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	6.000.000.000	1.800.000.000	300.000.000	16,67	36,00
7	<i>Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long</i> Đường Nguyễn Huệ, phường Nam Bình, thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	5.000.000.000	4.479.650.000	1.600.000.000	35,72	35,72
8	<i>Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long</i> 127B, Đinh Tiên Hoàng, phường 3, quận Bình Thạnh, tp. Hồ Chí Minh	10.000.000.000	7.821.000.000	3.600.000.000	46,03	46,03

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên và địa chỉ Công ty liên kết, liên doanh	Vốn góp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (VND)	Tỷ lệ góp vốn thực tế và quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2010			
			Giá trị vốn của Công ty liên kết, liên doanh (VND)	Vốn của Tổng Công ty tại Công ty liên kết, liên doanh (VND)	Tỷ lệ vốn góp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
9	Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải Thăng Long Số 3, đường Cù Lan Chính, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	4.370.000.000	4.370.000.000	1.310.000.000	29,98	29,98
10	Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long Đường Phạm Văn Đồng, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	20.444.000.000	20.444.000.000	7.359.800.000	36,00	36,00
11	Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long Xã Hải Bối, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	25.456.850.000	20.579.213.788	4.286.823.788	20,83	20,83
12	Công ty Cổ phần Thí nghiệm và Xây dựng Thăng Long Tân Xuân, Xuân Đình, Từ Liêm, Hà Nội	6.200.000.000	6.200.000.000	3.038.000.000	49,00	49,00
13	Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui – Thăng Long Thôn Xâm Dương, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, Hà Nội	91.092.090.474	59.160.863.000	22.911.354.844	45,55	45,55
14	Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mêkông Xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội	25.000.000.000	25.000.000.000	7.361.650.507	29,45	29,45

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty liên kết, liên doanh không hợp nhất theo phương pháp vốn chủ

Tên Công ty liên kết, liên doanh	Giá trị vốn của Công ty liên kết, liên doanh (VND)	Ghi chú
Công ty Thi công nền móng Việt Pháp	168.249.600	Không nhận được Báo cáo tài chính
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ và Xây dựng Thăng Long (Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long)	400.000.000	Không nhận được Báo cáo tài chính

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng-12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ là tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào chênh lệch tỷ giá hối đoái trên bảng cân đối kế toán, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

Riêng với chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại của số dư các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ thì được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí trong kỳ hoặc theo dõi chênh lệch tỷ giá hối đoái trên bảng cân đối kế toán để phân bổ cho các năm tiếp theo nhưng không quá 05 năm kể từ sau năm phát sinh lỗi.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà xưởng	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
- TSCĐ hữu hình khác	5 năm

04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

khẩu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng phân bổ cho nhiều năm tài chính;
- Các khoản chi phí khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Vốn đầu tư của chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm vốn của Nhà nước tại Tổng Công ty.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định trong đối chắc chắn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Tổng Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

12. Phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập theo các bước sau:

- Hợp cộng các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con trong Tổng Công ty;
- Loại trừ giá trị ghi sổ khoản đầu tư của Công ty mẹ trong Công ty con và phần vốn của Công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con và ghi nhận lợi thế thương mại;
- Phân bổ lợi thế thương mại;
- Tách lợi ích của cổ đông thiểu số;
- Loại trừ các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty đang nằm trong giá trị tài sản (như hàng tồn kho, tài sản cố định, ...);
- Loại trừ các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản như hàng tồn kho hoặc tài sản cố định khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được;
- Loại trừ số dư các khoản mục phải thu, phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong Tổng Công ty;
- Điều chỉnh các khoản đầu tư của Công ty mẹ và Công ty con vào Công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập theo các bước sau:

- Hợp cộng các chỉ tiêu trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con trong Tổng Công ty;
- Phân bổ lợi thế thương mại;
- Loại trừ doanh thu, giá vốn của hàng hoá, dịch vụ cung cấp giữa các Công ty trong nội bộ Tổng Công ty, lãi đi vay và thu nhập từ cho vay giữa các đơn vị trong nội bộ Tổng Công ty, cổ tức đã phân chia và đã ghi nhận trong nội bộ Tổng Công ty;
- Loại trừ các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty đang nằm trong giá trị tài sản (như hàng tồn kho, tài sản cố định, ...);
- Loại trừ các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản như hàng tồn kho hoặc tài sản cố định khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được;
- Xác định phần lãi hoặc lỗ của Công ty mẹ và Công ty con trong Công ty liên kết, liên doanh theo phương pháp vốn chủ;
- Xác định lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số;
- Xác định lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo các bước sau:

- Hợp cộng các chỉ tiêu trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ và Công ty con trong Tổng Công ty;
- Loại trừ dòng tiền nội bộ giữa các Công ty trong nội bộ Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	31/12/2010	01/01/2010
- Tiền mặt	1.692.002.372	1.497.703.399
- Tiền gửi ngân hàng	50.158.805.893	64.186.938.619
- Tiền đang chuyển	-	10.379.341.360
Cộng	51.850.808.265	76.063.983.378

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
- Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	-	2.418.000.000
Cộng	-	2.418.000.000

03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
- Phải thu về cổ phần hoá	98.000.000	365.593.584
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu của người lao động	-	-
- Phải thu khác	41.273.737.965	104.173.276.194
Cộng	41.371.737.965	104.538.869.778

04. Hàng tồn kho

	31/12/2010	01/01/2010
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	17.436.478.642	36.163.280.975
- Công cụ, dụng cụ	2.435.116.380	2.417.308.924
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	393.555.484.954	540.135.377.381
- Thành phẩm	-	-
- Hàng hoá	-	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	413.427.079.976	578.715.967.280

05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	956.455.040
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.958.774.227	-
- Thuế khác	5.950.000	5.950.000
Cộng	1.964.724.227	962.405.040

06. Phải thu dài hạn nội bộ

	31/12/2010	01/01/2010
- Cho vay dài hạn nội bộ	-	-
- Phải thu dài hạn nội bộ khác	25.639.128.763	26.244.015.385
Cộng	25.639.128.763	26.244.015.385

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu kỳ</i>	<i>46.354.545.373</i>	<i>282.595.283.381</i>	<i>52.672.827.691</i>	<i>32.874.801.837</i>	<i>4.095.592.093</i>	<i>418.593.050.375</i>
- Mua trong kỳ	115.300.000	7.769.944.666	950.893.910	1.969.852.906	-	10.805.991.482
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	4.150.320.417	-	-	-	4.150.320.417
- Tăng khác	1.888.153.194	1.310.676.027	-	-	241.700.548	3.440.529.769
- Thanh lý, nhượng bán	-	(6.250.169.250)	(715.721.000)	(294.732.432)	-	(7.260.622.682)
- Giảm do thanh lý công ty con	(8.868.287.975)	(22.617.219.656)	(1.054.540.422)	(22.536.586.785)	-	(55.076.634.838)
- Giảm khác	-	(1.275.401.916)	(121.101.732)	-	-	(1.396.503.648)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>39.489.710.592</i>	<i>265.683.433.669</i>	<i>51.732.358.447</i>	<i>12.013.335.526</i>	<i>4.337.292.641</i>	<i>373.256.130.875</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu kỳ</i>	<i>27.299.137.830</i>	<i>219.193.111.971</i>	<i>71.934.041.982</i>	<i>24.953.640.425</i>	<i>2.441.084.134</i>	<i>345.821.016.342</i>
- Số khấu hao trong kỳ	1.219.915.314	9.073.381.795	2.104.602.918	1.023.733.622	379.078.539	13.800.712.188
- Tăng khác	38.028.486	244.544.423	-	7.573.411	3.176.186	293.322.506
- Thanh lý, nhượng bán	-	(5.152.303.269)	(1.008.503.404)	(294.732.432)	-	(6.455.539.105)
- Giảm do thanh lý công ty con	(3.209.990.359)	(17.527.708.849)	(607.535.405)	(17.574.453.942)	-	(38.919.688.555)
- Giảm khác	-	(1.093.814.088)	-	-	-	(1.093.814.088)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>25.347.091.271</i>	<i>204.737.211.983</i>	<i>72.422.606.091</i>	<i>8.115.761.084</i>	<i>2.823.338.859</i>	<i>313.446.009.288</i>
III. Giá trị còn lại						
<i>1. Tại ngày đầu kỳ</i>	<i>19.055.407.543</i>	<i>63.402.171.410</i>	<i>(19.261.214.291)</i>	<i>7.921.161.412</i>	<i>1.654.507.959</i>	<i>72.772.034.033</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>14.142.619.321</i>	<i>60.946.221.686</i>	<i>(20.690.247.644)</i>	<i>3.897.574.442</i>	<i>1.513.953.782</i>	<i>59.810.121.587</i>

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm Tin học	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
<i>Số dư đầu kỳ</i>	13.414.513.000	807.457.685	691.392.277	14.913.362.962
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	13.414.513.000	807.457.685	691.392.277	14.913.362.962
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
<i>Số dư đầu kỳ</i>	694.618.116	807.457.685	488.199.739	1.990.275.540
- Số khấu hao trong kỳ	92.478.096	-	86.424.036	178.902.132
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	787.096.212	807.457.685	574.623.775	2.169.177.672
III. Giá trị còn lại				
1. <i>Tại ngày đầu kỳ</i>	12.719.894.884	-	203.192.538	12.923.087.422
2. <i>Tại ngày cuối kỳ</i>	12.627.416.788	-	116.768.502	12.744.185.290

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010	01/01/2010
- Tòa tháp Thăng Long Phạm Văn Đồng	1.550.707.012	1.550.707.012
- Khu Công nghiệp Đông Anh	-31.874.512	31.874.512
- Chi phí sửa chữa, đầu tư vật tư luân chuyển	9.694.000.000	9.694.000.000
- Đầu khoan RT3- ST & cần khoan Kelly	5.047.531.358	-
- Chế tạo bể VS	204.092.039	-
- Ván khuôn cốp hộp + đốt cần + VK	42.069.979	-
- Chế tạo gầu khoan	60.914.700	-
- Chế tạo cầu trục 3 tấn	67.857.176	-
- Ván khuôn MSS	1.122.668.453	1.122.668.453
- Ván khuôn 3A Thanh Trì	144.546.751	-
- Khung chống, ván khuôn cầu hẫng gói 3A- Thanh Trì	151.360.036	1.253.319.137
- Chế tạo ván khuôn rỗng công trình Dakmin	58.541.969	-
- Nhà điều hành	723.579.819	723.579.819
- Máy đúc hẫng	-	2.911.590.832
- Đầu khoan D10	1.550.000.000	-
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	3.230.000	-
- Khác	-	861.592.475
Cộng	20.452.973.804	18.149.332.240

10. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		79.227.387.580		73.650.436.492
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>		<i>39.986.223.000</i>		<i>40.302.673.692</i>
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long	197.600	2.392.408.360	197.600	2.358.319.260
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	735.980	10.011.233.371	735.982	9.778.946.131
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long	262.950	3.358.664.884	262.950	3.188.692.162
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	30.000	301.969.691	30.000	301.492.831
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	160.000	1.883.332.766	110.976	1.289.082.169
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	107.100	1.131.210.390	107.100	1.165.557.175
- Công ty CP Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	428.682	5.508.078.534	959.196	12.357.055.643

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	360.000	4.859.581.954	-	-
- Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long	303.800	3.793.666.722	303.800	3.742.151.087
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 6 Thăng Long	367.200	-	367.200	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	403.641	4.611.201.879	372.960	4.363.032.948
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tải Thăng Long	131.000	1.734.874.449	131.000	1.758.344.286
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ và Xây dựng Thăng Long	40.000	400.000.000	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh		39.241.164.580		33.347.762.800
- Công ty Liên doanh Mít sui Thăng Long		29.756.457.155		23.623.905.400
- Công ty Thi công nền móng Việt Pháp		168.249.600		168.249.600
- Công ty TNHH Bê tông Mê Kông Thăng Long		9.316.457.825		9.555.607.800
b- Đầu tư dài hạn khác		32.914.034.285		26.099.591.172
- Công ty TNHH BOT Yên Lệnh		23.623.000.000		23.623.556.887
- Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	681.500	6.815.000.000		-
- Công trình Cầu Hiệp Thượng - Dự án BOT đường 188		2.476.034.285		2.476.034.285
Tổng cộng		112.141.421.865		99.750.027.664

11. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.725.178.378	2.507.777.279
- Chi phí sửa chữa, đầu tư vật tư luân chuyển	6.130.459.567	18.362.948.599
- Chi phí trả trước khác	3.329.922.917	3.581.703.283
Cộng	11.185.560.862	24.452.429.161

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONGSố 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
- <i>Vay ngắn hạn</i>	<u>201.841.434.694</u>	<u>308.847.146.067</u>
+ Vay ngắn hạn ngân hàng	201.801.165.594	308.806.876.967
+ Vay ngắn hạn đối tượng khác	40.269.100	40.269.100
- <i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	-	-
Cộng	<u>201.841.434.694</u>	<u>308.847.146.067</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
- Thuế giá trị gia tăng	49.075.752.091	60.037.817.880
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.484.285.662	1.173.160.376
- Thuế thu nhập cá nhân	129.164.271	25.219.620
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	356.619.685	268.963.256
- Các loại thuế khác	24.204.540	39.123.602
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	29.380.821	-
Cộng	<u>52.099.407.070</u>	<u>61.544.284.734</u>

14. Chi phí phải trả

	31/12/2010	01/01/2010
- Lãi vay phải trả	6.271.266.231	17.305.767.058
- Trích trước chi các công trình	5.920.322.796	6.666.174.347
- Trích trước chi phí các ban điều hành	1.972.679.622	2.568.577.661
- Trích trước chi phí khác	2.375.563.597	4.076.449.324
Cộng	<u>16.539.832.246</u>	<u>30.616.968.390</u>

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
- Tài sản thừa chờ giải quyết	447.772.988	-
- Kinh phí công đoàn	2.090.661.033	1.103.879.218
- Bảo hiểm xã hội	2.950.343.040	4.864.201.289
- Bảo hiểm y tế	623.629.318	297.193.427
- Bảo hiểm thất nghiệp	53.606.660	-
- Phải trả về cổ phần hóa	237.903.944	259.495.860
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	447.930.000	447.930.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	68.782.951.038	163.307.607.249
Cộng	<u>75.634.798.021</u>	<u>170.280.307.043</u>

16. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
- <i>Vay dài hạn</i>	<u>54.142.680.259</u>	<u>61.117.568.442</u>
+ Vay ngân hàng	54.142.680.259	61.117.568.442
+ Vay đối tượng khác	-	-
- <i>Nợ dài hạn</i>	<u>9.954.960.349</u>	<u>12.417.401.108</u>
+ Nợ dài hạn khác	9.954.960.349	12.417.401.108
Cộng	<u>64.097.640.608</u>	<u>73.534.969.550</u>

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ (*)	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	148.567.661.466	819.295.577	(683.400)	4.335.141.856	-	4.807.425.463	2.378.135.669	1.471.451.426	3.352.687.307	165.731.115.364
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	10.792.539.473	10.792.539.473
- Tăng khác	293.952.738	-	-	-	736.958.109	-	-	-	1.190.409.301	2.221.320.148
- Tăng do TN&XD chuyển thành Công ty liên kết	-	-	683.400	-	-	-	-	-	-	683.400
- Giảm vốn trong năm trước	(16.706.144.244)	-	-	-	-	-	-	-	-	(16.706.144.244)
- Phân phối lợi nhuận	2.043.037.768	-	-	-	-	994.092.683	595.186.672	-	(5.951.866.715)	(2.319.549.592)
- Giảm khác	-	(406.914.373)	-	-	-	(4.166.051)	(89.965.263)	-	(512.297.553)	(1.013.343.240)
Số dư cuối năm trước	134.198.507.728	412.381.204	-	4.335.141.856	736.958.109	5.797.352.095	2.883.357.078	1.471.451.426	8.871.471.813	158.706.621.309
Số dư đầu kỳ này										
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	15.918.055.204	15.918.055.204
- Tăng khác	11.472.285.137	-	-	-	1.113.750.171	656.211.072	84.868.089	-	114.752.218	13.441.866.687
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận tại công ty mẹ	3.142.726.769	-	-	-	-	1.585.729.077	929.638.229	-	(8.959.792.189)	(3.301.698.114)
- Giảm khác	-	(87.709.049)	-	(4.335.141.856)	(736.958.109)	(5.065.217.982)	(1.936.186.388)	-	(188.323.843)	(12.349.537.227)
Số dư cuối kỳ	148.813.519.634	324.672.155	-	-	1.113.750.171	2.974.074.262	1.961.677.008	1.471.451.426	15.756.163.203	172.415.307.859

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010	01/01/2010
- Vốn góp của Nhà nước	148.813.519.634	134.198.507.728
- Vốn góp của các đối tượng khác	-	-
Cộng	148.813.519.634	134.198.507.728

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010	Từ 01/01/2009 Đến 31/12/2009
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	134.198.507.728	148.567.661.466
+ Vốn góp tăng trong kỳ	14.615.011.906	2.336.990.506
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	16.706.144.244
+ Vốn góp cuối kỳ	148.813.519.634	134.198.507.728
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2010	01/01/2010
- Quỹ đầu tư phát triển	2.974.074.262	5.797.352.095
- Quỹ dự phòng tài chính	1.961.677.008	2.883.357.078
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.471.451.426	1.471.451.426
Cộng	6.407.202.696	10.152.160.599

18. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Cộng hợp nhất báo cáo của các Công ty con	Phần lợi ích của Cổ đông thiểu số	Phần lợi ích của Công ty mẹ tại các công ty con
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	39.980.259.836	9.461.800.000	30.518.459.836
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	636.608.197	311.936.042	324.672.155
Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	56.667	-	56.667
Quỹ đầu tư phát triển	2.797.792.122	197.334.051	2.600.458.071
Quỹ dự phòng tài chính	2.074.901.827	331.552.948	1.743.348.879
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.462.809.441	1.201.659.079	2.261.150.362
Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-	-
Cộng	48.952.428.090	11.504.282.120	37.448.145.970

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010	Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009
- Doanh thu bán hàng	1.367.061.078	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.543.365.686	9.126.072.822
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.276.280.880.657	1.287.766.905.297
- Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án biệt thự Thủy Xuân	29.609.196.989	-
- Doanh thu khác	-	593.332.597
Cộng	1.311.800.504.410	1.297.486.310.716

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010	Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	2.805.065.939	1.185.946.727
Cộng	2.805.065.939	1.185.946.727

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010	Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	1.274.842.875.796	1.293.348.140.439
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	4.543.365.686	2.952.223.550
- Doanh thu thuần chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án biệt thự Thủy Xuân	29.609.196.989	-
Cộng	1.308.995.438.471	1.296.300.363.989

04. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010	Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	997.753.584	-
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	19.338.517.553
- Giá vốn xây dựng	1.218.803.780.716	1.212.212.548.366
- Giá vốn dịch vụ	1.539.735.916	952.918.317
- Giá vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án biệt thự Thủy Xuân	23.493.092.471	-
Cộng	1.244.834.362.687	1.232.503.984.236

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONGSố 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010	Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009
- Lãi tiền gửi	15.205.257.269	6.978.922.101
- Cổ tức lợi nhuận được chia	9.587.619.577	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.802.227.063	7.045.868.424
- Lãi phạt chậm thanh toán	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	260.973.028	-
- Khác	100.000.000	1.364.708.496
Cộng	36.956.076.937	15.389.499.021

06. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010	Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009
- Chi phí lãi vay	21.274.304.111	29.800.471.392
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	115.067.115	-
- Chi phí tài chính khác	-	815.781.781
Cộng	21.389.371.226	30.616.253.173

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010	Từ 01/01/2009 Đến 31/12/2009
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.708.018.486	1.502.508.092
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	246.711.713	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.954.730.199	1.502.508.092

08. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010	Từ 01/01/2009 Đến 31/12/2009
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	375.932.187.289	487.916.334.333
- Chi phí nhân công	94.174.825.932	112.242.073.402
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.965.698.134	18.541.857.075
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	149.204.307.467	176.725.924.632
- Chi phí khác bằng tiền	68.352.675.067	54.194.547.173
- Chi phí thuê phụ	608.734.479.743	468.058.782.555
Cộng	1.324.364.173.632	1.317.679.519.170

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt, trong đó, một số chỉ tiêu được trình bày lại để phù hợp với quy định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

02. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất (không bao gồm số liệu Công ty Cầu 7 Thăng Long và Công ty Xây dựng số 8 Thăng Long) của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty sẽ hoạt động liên tục.

03. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2010	01/01/2010
1. Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1. Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	86,78	86,61
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	13,22	13,39
1.2. Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	89,94	90,86
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	10,06	9,14
2. Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,11	1,10
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,02	1,01
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,04	0,05
3. Tỷ suất sinh lời		Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010	Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009
3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	1,45	1,05
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	1,30	0,93
3.2. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1,04	0,72
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,93	0,64

Người lập biểu



Nguyễn Văn Hưng


Kế toán trưởng



Lê Văn An

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2011

Tổng Giám đốc

Phan Quốc Hiếu

PHỤ LỤC 01

Ý KIẾN KIỂM TOÁN TRÊN BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2010 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010 CỦA CÔNG TY MẸ VÀ CÁC CÔNG TY CON THUỘC TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

1. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẦU 1 THĂNG LONG

(Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Định giá ACC Việt Nam thực hiện)

Hạn chế kiểm toán:

- Do được bổ nhiệm làm Kiểm toán viên sau thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, nên chúng tôi không tham gia chứng kiến công việc kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán bổ sung. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về tính đúng đắn về giá trị và tính hiện hữu của khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác được trình bày trên báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ 05 tháng 7 năm 2010 đến 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty.
- Còn một số khoản công nợ phải thu, phải trả chưa có đối chiếu xác nhận tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010. Bằng các thủ tục kiểm toán thông thường chúng tôi chưa thể xác nhận được chính xác số dư của các khoản công nợ này. Đồng thời Công ty chưa thực hiện phân loại tuổi nợ của các khoản công nợ để làm cơ sở trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Số dư của các khoản công nợ nêu trên được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ 05 tháng 7 năm 2010 đến 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty.
- Hiện tại, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được kết chuyển, ghi nhận giá vốn theo tỷ lệ ước tính chủ quan dựa trên doanh thu đã ghi nhận mà chưa theo một tiêu thức nhất quán và phù hợp;
- Trong kỳ Công ty có ghi nhận một số khoản chi phí chưa hợp lý, hợp lệ để xác định kết quả kinh doanh.

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 3 THĂNG LONG

(Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Việt Nam thực hiện)

Các giới hạn phạm vi kiểm toán:

- Do việc bổ nhiệm kiểm toán viên diễn ra sau ngày khóa sổ kế toán 31 tháng 12 năm 2010, theo đó chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê các số dư công nợ, số dư hàng tồn kho, tài sản cố định, các danh mục đầu tư tài sản, xây dựng cơ bản và các quỹ tiền mặt của Công ty. Điều này tạo nên những giới hạn cố hữu của cuộc kiểm toán và làm ảnh hưởng đến ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính của Công ty phù hợp với các quy định của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Phụ lục 01 (tiếp theo)

- Các nghĩa vụ về thuế đang được Công ty tự kê khai phù hợp với các quy định hiện hành của Luật quản lý thuế. Năm 2010, Cục thuế thành phố Hà Nội chưa tiến hành thanh tra, kiểm tra số liệu kê khai các nghiệp vụ với Ngân sách Nhà nước của Công ty.

3. CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 11 THĂNG LONG

(Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY thực hiện)

Hạn chế về phạm vi:

- Do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên cho Công ty sau ngày 31 tháng 12 năm 2010, chúng tôi không thể tham gia công tác kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho, tài sản cố định của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, các thủ tục kiểm toán thay thế không đủ cơ sở để chúng tôi đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và giá trị của các khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu liên quan Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.
- Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, một số khoản công nợ phải thu khách hàng, người mua trả tiền trước, phải trả người bán, trả trước cho người bán, phải trả khác, phải thu khác chưa được đối chiếu xác nhận chưa đầy đủ. Công ty cũng chưa đánh giá khả năng thu hồi của các khoản nợ quá hạn. Các thủ tục kiểm toán thay thế không đủ cơ sở để chúng tôi đưa ra ý kiến nhận xét về các số dư này cũng như sự ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.
- Trong năm 2010, Công ty áp dụng tiêu thức phân bổ giá trị vật tư, công cụ dụng cụ luân chuyển phục vụ thi công vào chi phí các công trình chưa nhất quán, phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thời gian khấu hao tài sản cố định cũng chưa đồng nhất qua các năm. Theo đó nếu áp dụng nhất quán phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thời gian khấu hao tài sản cố định cũng như tiêu thức phân bổ giá trị vật tư, công cụ dụng cụ luân chuyển phục vụ thi công vào chi phí các công trình có thể ảnh hưởng đến giá vốn và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trình bày trên báo cáo tài chính. Tại thời điểm lập báo cáo này, chúng tôi chưa xác định được ảnh hưởng của các vấn đề này.
- Chi phí lãi vay năm 2010 chưa được Công ty ghi nhận trong năm. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được tài liệu đối chiếu của các Ngân hàng về tổng số lãi vay phải trả liên quan đến các khoản vay ngắn hạn và xác nhận về số còn phải trả tính đến 31 tháng 12 năm 2010.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm 2010 được xác định trên cơ sở tổng lợi nhuận kế toán trước thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi năm 2010 là 12,5%. Khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành này chưa được xác định chi tiết cho những khoản thu nhập hưởng thuế suất ưu đãi và những khoản không hưởng thuế suất ưu đãi. Theo đó, chúng tôi không đưa ý kiến về khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Phụ lục 01 (tiếp theo)

4. CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 12 THĂNG LONG

(Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Định giá ACC_Việt Nam thực hiện)

Hạn chế kiểm toán:

- Chúng tôi không tham gia chứng kiến công việc kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét tính đúng đắn về giá trị và tính hiện hữu của khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty.
- Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được thực hiện đối chiếu đầy đủ. Bằng các thủ tục kiểm toán bổ sung, chúng tôi không thể xác nhận được tính chính xác số dư các khoản công nợ này. Đồng thời Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản công nợ phải thu khó đòi.
- Trong năm tài chính 2010, Công ty đã tiến hành phân bổ “Chi phí trả trước dài hạn” và hạch toán chi phí lãi vay để xác định kết quả kinh doanh theo tiêu thức chưa phù hợp.
- Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 trên TK335 – “chi phí phải trả” là 4.036.072.796 VND. Đây là khoản trích trước chi phí công trình Srepok 3: 2.766.929.828 VND và Công trình QL18: 1.269.142.978 VND từ những năm trước chưa có hồ sơ được hoàn.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và giá vốn hoạt động xây lắp trong năm chưa được xác định phù hợp với từng công trình xây dựng.

5. BÁO CÁO RIÊNG CÔNG TY ME - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

(Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt thực hiện)

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của kiểm toán viên

- Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến công tác kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho và tài sản cố định của Tổng Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi khẳng định được tính hiện hữu, tính đầy đủ cũng như tình trạng của tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho và tài sản cố định tại thời điểm nêu trên.
- Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, một số khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận với các đối tượng nợ, đồng thời Tổng Công ty chưa thực hiện việc phân loại tuổi nợ và trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu khó đòi.
- Việc phát hành hóa đơn tài chính và kê khai thuế giá trị gia tăng của Văn phòng Tổng Công ty không diễn ra đồng thời với thời điểm ghi nhận doanh thu và thuế giá trị gia tăng trên sổ kế toán.
- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty Xây dựng và Phát triển Công nghệ Thăng Long, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long được tính bằng với giá trị của sản lượng dở dang do Công ty tự xác định, trong đó, giá trị của sản lượng dở dang được tính căn cứ trên khối lượng thực hiện và đơn giá theo hợp đồng với bên A.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Phụ lục 01 (tiếp theo)

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số công nợ phải thu khó đòi của Công ty Xây dựng và Phát triển Công nghệ Thăng Long, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long là 1.816.217.017 đồng. Công ty chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ trên, số tiền là 1.486.015.258 đồng.
- Một phần chi phí quản lý đã phát sinh trong năm 2010 của Công ty Xây dựng và Phát triển Công nghệ Thăng Long, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long với số tiền là 1.851.483.748 đồng chưa được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh mà đang được phản ánh trong số dư của khoản mục “Chi phí trả trước ngắn hạn”.